

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23-4-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thế Chiến.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Bà Triệu Thị Liên

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Thào Thị Ly - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cước công dân số 002198006292 cấp ngày 12/6/2022. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nùng Văn C, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cước công dân số 002097006914 cấp ngày 12/6/2022. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2025 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương qua thời gian tìm hiểu nhau, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Hà Giang cũ (Nay là ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị N cũng đã khuyên nhủ rất nhiều lần, tuy nhiên

anh C chỉ được một thời gian đầu rồi lại đầu vào đây, không chịu thay đổi. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 6 năm 2025 chị N cùng với con là Nùng Trà M đã về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của chị N tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh C từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 6- Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nùng Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Hoàng Thị N và anh Nùng Văn C có một con chung là cháu Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn anh Nùng Văn C trình bày tại Bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nùng Văn C và chị Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 31/8/2020 tại UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không có tiếng nói chung, anh C cũng hay đi chơi với bạn bè về muộn nên chị N ghen tuông và xảy ra việc cãi chửi nhau. Anh C1 và chị N đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên anh N1 Văn C nhận thấy mâu thuẫn giữa anh C và chị N vẫn chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh C vẫn còn tình cảm với chị N nên anh C không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020. Trong trường hợp phải ly hôn thì anh C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh C không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, được biết: Chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương đăng ký kết hôn ngày 31/8/2020 tại UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, giữa anh chị hay xảy ra việc cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do anh C hay đi chơi bên ngoài, không quan tâm gì đến gia đình, anh C vẫn đi làm ăn bên ngoài nhưng không đưa đồng tiền nào cho chị N để chị nuôi dưỡng con cái và chăm sóc gia đình. Từ tháng 6 năm 2025 chị N cùng với cháu Nùng Trà M đã về sinh

sống cùng với bố mẹ đẻ của chị N tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang và sống ly thân với anh C từ đó đến nay.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của pháp luật, do các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Toà án đưa ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Hoàng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với anh Nùng Văn C.

Về con chung: Chị Hoàng Thị N đề nghị Toà án giao cháu Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án và nội dung vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Đề nghị xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Nùng Văn C; về con chung: Giao cháu Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020 cho chị Hoàng Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét; về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị N có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nùng Văn C và đề nghị được nuôi con. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nùng Văn C là người bị kiện có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ; Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không có căn cứ thể hiện việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh C thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, không yêu thương, không giúp nhau cùng tiến bộ. Lý do mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh C ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con. Chị N đã về thôn Bản Cây, xã H sinh sống cùng với bố mẹ đẻ từ tháng 6 năm 2025 và ly thân anh C từ đó cho đến nay. Chị N nhận thấy rằng cuộc sống chung không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có đơn xin ly hôn với anh C. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn giữa chị N và anh C là đúng với trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận thấy chị N và anh C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh C.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Nùng Văn C có một con chung là Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020. Chị N và anh C đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy, cháu Nùng Trà M đã lên ở cùng với chị N tại nhà công vụ trường tiểu học B nơi chị N công tác từ tháng 8 năm 2021, cháu M đã theo học tại trường mầm non B từ năm 2022 cho đến nay, được chị N chăm sóc, đưa đón và cho đi học đầy đủ. Môi trường sinh sống của chị N và cháu M có đầy đủ các điều kiện sinh hoạt thiết yếu, thuận lợi cho việc học tập, sinh hoạt và phát triển của cháu. Qua xác minh thấy rằng trong quá trình cháu M học tập từ đầu năm 2025 cho đến nay, anh C không lên thăm nom cháu và cũng không hỏi han về tình hình học tập của cháu. Chị N là giáo viên, có lương ổn định hàng tháng là 15.000.000 đồng nên hoàn toàn có đủ khả năng về tài chính để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Ông Hoàng Văn A là bố đẻ

của chị N khẳng định gia đình và chị N cùng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu M.

[6] Ngày 02/02/2026, Toà án yêu cầu anh Nùng Văn C cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng, hàng quý, hàng năm để bảo đảm việc nuôi con. Tuy nhiên hết thời hạn được ấn định mà anh C không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh thu nhập của mình và cũng không có văn bản gửi cho Toà án nêu rõ lý do của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy chị N có mối liên hệ chặt chẽ, có sự quan tâm, chăm sóc và có đầy đủ các điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung hơi so với anh C. Bố mẹ chị N cũng hỗ trợ cho chị N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu để cháu được phát triển toàn diện. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu M, căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao giao cháu Nùng Trà M cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không đề nghị anh N1 Văn Chương phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nùng Văn C không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về thăm nom và chăm sóc con chung: Anh Nùng Văn C không vi phạm nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung nên không bị hạn chế về quyền này, anh C có quyền thăm nom con sau ly hôn theo quy định tại Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] Về tài chung, tài sản riêng và các khoản nợ: Chị Hoàng Thị N và anh N1 Văn Chương không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Xét đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nùng Văn C không phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[12] Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N và anh Nùng Văn C có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nùng Văn C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Nùng Văn C.

3. Về con chung: Giao cháu Nùng Trà M, sinh ngày 14/12/2020 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nùng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001700 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nùng Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nùng Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 - Tuyên Quang;
- UBND xã Hoàng Su Phì, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nông Thế Chiến